

Ngày soạn: 01/05/07,

10/12/2025

Tiết 29,30,31,32,33,34

BÀI 7. QUẢN LÝ CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH (6 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức:

- Nêu được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình.
- Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.
- Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.

2. Năng lực:

- Phát triển bản thân: Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về vai trò của quản lý thu, chi trong gia đình.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ tham gia lập kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.
- Có trách nhiệm thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình. Hướng dẫn bạn bè, người thân cùng thực hiện.

4. Nội dung tích hợp:

4.1 Tích hợp PCTN:

- YCCĐ: Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính.
- YCCĐ: Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.

Nội dung: Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh chân chính)

Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh; ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tiết kiệm, cần kiệm trong gia đình Việt Nam.

4.2 Tích hợp lý tưởng CM, đạo đức, lối sống:

- YCCĐ: Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.
- YCCĐ: Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.

Nội dung: Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng: Xử lý tình huống: “Nếu em muốn mua một món đồ xa xỉ, bố mẹ không đồng ý”, HS lập kế hoạch thu - chi gia đình tháng tới (giả định), đảm bảo cân đối và văn minh tài chính; tranh biện: “Chi tiêu để thỏa mãn cá nhân có đáng bị phê phán không?”, HS ghi chép nhật ký tài chính cá nhân, phân tích, và rút ra bài học về kỷ luật tài chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS khi tìm hiểu và tham gia các hoạt động liên quan đến thu chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS, có thể tổ chức trò chơi giữa các học sinh để kể về các thói quen chi tiêu trong gia đình.

Em hãy nêu thói quen chi tiêu trong gia đình em và nhận xét về thói quen đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của việc quản lý chi tiêu trong gia đình.

Gia đình em có thói quen chi tiêu hợp lý và tiết kiệm. Mỗi tháng, bố mẹ em sẽ lập kế hoạch chi tiêu cụ thể cho từng mục đích như tiền ăn, tiền học, tiền mua sắm, và tiền tiết kiệm. Em nhận thấy thói quen này rất hữu ích và giáo dục. Nó không chỉ giúp gia đình em quản lý tài chính hiệu quả mà còn dạy cho em những bài học quý giá về giá trị của tiền và tầm quan trọng của việc tiết kiệm.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS, có thể tổ chức trò chơi giữa các học sinh để kể về các thói quen chi tiêu trong gia đình.

Em hãy nêu thói quen chi tiêu trong gia đình em và nhận xét về thói quen đó.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

GV nhấn mạnh:

Quản lý thu, chi là hoạt động cơ bản để thực hiện các mục tiêu tài chính của mỗi gia đình, giúp duy trì và nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, mỗi gia đình cần trang bị kỹ năng quản lý thu, chi để sử dụng nguồn tiền hợp lý, thỏa mãn được những nhu cầu cơ bản, tiết kiệm cho tương lai, góp phần tạo nên một gia đình hạnh phúc và phát triển.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu về quản lý thu, chi và sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm quản lý thu, chi trong gia đình. Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.

b) Nội dung. HS đọc thông tin trong SGK và trả lời. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Từ các thông tin trên, em hãy cho biết thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình.

2/ Qua thông tin 2, em hãy đánh giá thói quen chi tiêu nào tích cực và thói quen chi

tiêu nào chưa tích cực. Vì sao?

3/ Em hãy cho biết những thói quen chi tiêu không tích cực sẽ ảnh hưởng như thế nào tới đời sống gia đình.

c) Sản phẩm.

+ Quản lý thu, chi trong gia đình là việc quản lý các khoản thu nhập và chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên trong gia đình và phù hợp với thu nhập của gia đình.

+ Trong các thói quen chi tiêu trên, có một số thói quen chi tiêu tích cực, một số thói quen chi tiêu không tích cực:

Thói quen chi tiêu tích cực: chỉ mua khi thực sự cần thiết; tiết kiệm điện, nước; bàn bạc, thống nhất giữa các thành viên trong gia đình trước khi chi tiêu.

Thói quen chi tiêu không tích cực: chi tiêu tùy hứng theo cảm xúc; chi tiêu hết thu nhập không có quỹ dự phòng;...

+ Thói quen chi tiêu tích cực giúp cho mỗi gia đình luôn chủ động trong cuộc sống và thực hiện được các mục tiêu tài chính.

Những thói quen chi tiêu không tích cực sẽ phá vỡ những mục tiêu tài chính của gia đình, không chủ động được trong những tình huống xấu như ốm đau, thất nghiệp,... làm cho cuộc sống rơi vào tình thế khó khăn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS đọc thông tin trong SGK và trả lời. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Từ các thông tin trên, em hãy cho biết thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình. 2/ Qua thông tin 2, em hãy đánh giá thói quen chi tiêu nào tích cực và thói quen chi tiêu nào chưa tích cực. Vì sao? 3/ Em hãy cho biết những thói quen chi tiêu không tích cực sẽ ảnh hưởng như thế nào tới đời sống gia đình. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. Kết luận, nhận định	1. QUẢN LÝ THU, CHI VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH Khái niệm: Quản lý thu, chi là việc quản lý các khoản thu nhập, chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên trong gia đình và phù hợp với thu nhập của gia đình. Sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình - Kiểm soát được các nguồn thu trong gia đình. - Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình. - Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình. - Giúp cân bằng tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình. - Nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Trong mỗi gia đình, để giải quyết những vấn đề cơ bản về tài chính như: cân đối thu - chi, thực hành tiết kiệm, gia tăng thu nhập giúp duy trì sự ổn định và phát triển cần phải quản lý thu, chi hiệu quả.	
---	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình

a) Mục tiêu. HS tham gia lập và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Theo em, để xây dựng được kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình cần thực hiện những nội dung nào? Vì sao? Em hãy phân tích những nội dung đó.

2/ Hãy xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình và thuyết trình về việc thực hiện kế hoạch đó trong gia đình em.

- Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức lối sống

+ Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Xây dựng thói quen chi tiêu hợp lý và quản lý tài chính hiệu quả

+ Cách thức thực hiện: Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành lập kế hoạch chi tiêu cho gia đình mình với một số tiêu chí cụ thể và phù hợp. Qua nội dung này giáo viên định hướng cho học sinh có ý thức rèn luyện ý thức quản lý thu chi trong gia đình

+ Thông tin:

Cách tiết kiệm tiền cho học sinh

Tiết kiệm tiền có vẻ là một thách thức đối với học sinh, khi mà những chi tiêu hàng ngày dường như luôn "nuốt" hết mọi khoản tiền tiêu vặt. Nhưng đừng lo, MoMo sẽ chỉ cho bạn cách để dành tiền hiệu quả cho học sinh đơn giản mà bạn có thể áp dụng ngay lập tức để vừa chi tiêu hợp lý, vừa tích lũy được một khoản tiết kiệm. Hãy cùng bắt đầu với những mẹo cực dễ và hiệu quả dưới đây nhé!

2.1 Nuôi ống heo

Đây có thể nói là cách tiết kiệm tiền hiệu quả cho học sinh. Bạn hãy bắt đầu bằng việc tiết kiệm từng đồng lẻ, bỏ những khoản tiền thừa từ tiêu vặt hoặc tiền quà vào ống heo. Dù nhỏ nhưng sau một thời gian, bạn sẽ có một khoản tiền kha khá để sử dụng khi cần đấy.

2.2 Tái sử dụng dụng cụ học tập, sách vở

Một trong những cách để tiết kiệm tiền cho học sinh tiếp theo đó là tái sử dụng những dụng cụ học tập và sách vở cũ. Thay vì mua mới mỗi năm học, bạn có thể tận dụng lại sách giáo khoa, vở, bút từ những năm trước. Đừng ngần ngại hỏi mượn sách từ anh chị hoặc bạn bè đã học qua môn học đó. Bạn có thể tìm mua sách cũ tại các hiệu sách với giá rẻ hơn rất nhiều so với mua mới. Ngoài ra, sử dụng giấy nháp hoặc

tái chế những tập giấy chưa dùng hết sẽ giúp bạn tiết kiệm một khoản tiền đáng kể và góp phần bảo vệ môi trường.

2.3 Hạn chế các hoạt động mua sắm, ăn uống

Mua sắm và ăn uống có thể là hai khoản chi tiêu lớn và dễ dàng khiến bạn tiêu hết số tiền tiết kiệm. Để hạn chế, bạn có thể lên kế hoạch mua sắm những thứ cần thiết, tránh mua sắm theo cảm hứng hay vì giảm giá. Ngoài ra, hãy hạn chế ăn ngoài và có thể ở nhà ăn với gia đình để giúp tiết kiệm tiền hơn cũng như dành nhiều thời gian bên bố mẹ.

2.4 Sử dụng xe đạp/phương tiện công cộng

Cách để tiết kiệm tiền cho học sinh tiếp theo đó là thay vì sử dụng xe máy hay xe cá nhân, hãy thử chuyển sang xe đạp hoặc phương tiện công cộng như xe buýt. Điều này không chỉ giúp bạn tiết kiệm được tiền xăng xe và bảo trì phương tiện, mà còn giúp bạn rèn luyện sức khỏe. Xe đạp là phương tiện cực kỳ thân thiện với môi trường, và nó cũng giúp bạn tiết kiệm đáng kể trong quá trình di chuyển. Nếu bạn sống xa trường, việc đi xe buýt sẽ giúp giảm thiểu chi phí đáng kể so với taxi hoặc xe ôm công nghệ. Hãy tận dụng các chương trình giảm giá vé xe buýt dành cho học sinh, sinh viên để tối ưu hóa tiết kiệm nhé.

c) Sản phẩm.

Bước 1: Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình và thời gian thực hiện. Mục tiêu tài chính trong gia đình là các mục tiêu giúp xác định ngân sách để gia đình thực hiện những dự định cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định. Để thực hiện được các mục tiêu tài chính trong gia đình, phải thảo luận và thống nhất giữa các thành viên và xây dựng ngân quỹ gia đình.

Ví dụ: Sau khi kết hôn, vợ chồng bàn bạc thống nhất mục tiêu sau 1 năm sẽ mua sắm được những đồ dùng thiết yếu trong gia đình và tiết kiệm được khoảng 100 triệu đồng.

Căn cứ vào thời gian thực hiện có các mục tiêu tài chính sau: mục tiêu tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Ví dụ: Gia đình bạn B (có 4 thành viên) đặt ra mục tiêu sau 3 tháng mua một chiếc xe đạp điện chuẩn bị cho em gái vào học trung học phổ thông, sau 3 năm tích lũy được một khoản tiền cho anh trai vào học đại học, sau 10 năm sẽ mua được một căn chung cư,...

Việc đặt mục tiêu tài chính rõ ràng là bước đầu lên kế hoạch những gì gia đình muốn đạt được trong tương lai, có thể liên quan đến tiết kiệm, chi tiêu, kiếm tiền hoặc đầu tư.

Việc xác định được mục tiêu tài chính gia đình cần tiến hành như sau:

- Liệt kê tất cả những mục tiêu tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Xác định mức độ ưu tiên thực hiện các mục tiêu và thời hạn hoàn thành mục tiêu tài chính của gia đình, trong đó cần ưu tiên cho các mục tiêu cấp bách, cơ bản, thiết yếu, phù hợp với nguồn thu của gia đình.

Khi xác định mục tiêu cần đảm bảo tiêu chí cụ thể, đo lường được, có tính khả thi và giới hạn thời gian hoàn thành. Việc xác định mục tiêu cần có sự bàn bạc, thống nhất, đồng thuận giữa các thành viên trong gia đình để cùng nhau thực hiện mục tiêu.

Bước 2: Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình.

Ví dụ: Để thực hiện được các mục tiêu tài chính, gia đình B đã liệt kê tất cả các nguồn thu nhập trong gia đình bao gồm:

- Thu nhập từ tiền lương của bố mẹ B.
- Lãi suất từ hai quyền sở tiết kiệm của gia đình đã tích lũy được.

Thu nhập từ tiền làm thêm của bố.

- Thu nhập từ tiền cho thuê cửa hàng của gia đình.

Xác định các nguồn thu nhập đã giúp gia đình B biết được tình hình tài chính hiện tại và có cơ sở để xây dựng kế hoạch thu, chi trong gia đình trong gia đình

Bước 3: Thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu trong gia đình.

Ví dụ: Gia đình Q đã bàn bạc và xác định các khoản chi phí cần trả như: tiền nhà, tiền điện, tiền nước, tiền ăn uống, tiền học của con,... là các khoản chi bắt buộc, thiết yếu. Còn các khoản chi cho giải trí, mua sắm, ăn uống bên ngoài và các chi tiêu cá nhân khác được xác định là khoản chi không thiết yếu.

Việc chi tiêu trong gia đình luôn đảm bảo nguyên tắc ưu tiên cho những nhu cầu thiết yếu, cân nhắc những khoản chi không thiết yếu để cân đối thu – chi và thực hiện mục tiêu tiết kiệm.

Bước 4: Thống nhất tỉ lệ phân chia các khoản chi: thiết yếu, không thiết yếu và tiết kiệm. Trên cơ sở theo dõi mức chi tiêu của gia đình, căn cứ vào nguồn thu, mục tiêu tài chính và danh mục các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu của gia đình để xác định tỉ lệ phân chia các khoản chi cho phù hợp với đặc điểm của gia đình.

Dựa trên tỉ lệ đó, phân bổ số tiền cụ thể cho từng khoản chi.

Ví dụ: Trong cuộc sống, gia đình cô H thực hiện triệt để quy tắc 50/30/20, các chi tiêu trong gia đình sẽ được chia thành tỉ lệ 50%, 30% và 20%. Trong đó: 50% dành cho các chi tiêu thiết yếu cho gia đình như: chi phí đi lại, ăn uống, điện nước, tiền học cho con,... 30% thu nhập được dùng cho các mục tiêu tài chính như trả nợ, tiết kiệm, quỹ dự phòng,... 20% dành cho các chi tiêu cá nhân của các thành viên trong gia đình bao gồm các khoản chi phí mua sắm, du lịch, giải trí,... Cuối mỗi tháng, cô tổng hợp chi tiêu trong tháng, so sánh chi tiêu thực tế với kế hoạch đề ra. Từ đó, đưa ra những nhận định khách quan và điều chỉnh chi tiêu những tháng sau cho phù hợp. Trước khi điều chỉnh, cô luôn thảo luận tạo sự đồng tình của các thành viên để chi tiêu hợp lý và đảm bảo hoà khí trong gia đình.

Bước 5: Thực hiện các khoản thu, chi hằng tháng theo kế hoạch thông qua việc ghi chép và điều chỉnh các khoản chi tiêu cho phù hợp.

Ví dụ: Vợ chồng anh N có tổng thu nhập từ 20 – 25 triệu đồng/tháng. Kể từ khi mới kết hôn, anh chị đã thống nhất cách thức kiểm soát thu, chi. Mọi nguồn thu của các thành viên trong gia đình đều được ghi chép lại và người vợ sẽ giữ tiền. Bên cạnh đó, anh chị còn đưa ra 4 cách kiểm soát nguồn chi: chi mua sắm vào những ngày quy định, chi tiêu có mục đích, tạo một danh sách mua sắm trước khi mua và tạo ra giới hạn chi tiêu. Nhờ vậy mà gia đình anh N luôn đạt trạng thái chi tiêu hiệu quả và tiết kiệm được những khoản tiền đều đặn hằng tháng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
--	-------------------------

Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Theo em, để xây dựng được kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình cần thực hiện những nội dung nào? Vì sao? Em hãy phân tích những nội dung đó. 2/ Hãy xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình và thuyết trình về việc thực hiện kế hoạch đó trong gia đình em. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp Báo cáo, thảo luận GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung. Kết luận, nhận định GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận: Sau khi lập được kế hoạch chi tiêu trong gia đình, cần thực hiện nghiêm túc bản kế hoạch đó. Trước hết, cần ghi chép đầy đủ các khoản chi tiêu trong gia đình, đối chiếu với định mức trong kế hoạch để cân đối và quyết tâm thực hiện mục tiêu. Điều quan trọng là phải kiểm soát được việc chi tiêu, tránh các khoản chi tiêu không hợp lý, thực hiện thói quen tiêu dùng thông minh để đạt được các mục tiêu tài chính. Nếu có những lý do đột xuất khiến việc chi tiêu trong gia đình quá mức quy định thì cần có ngay biện pháp điều chỉnh bằng cách cắt giảm những khoản chi không cần thiết để bù lại. Lưu ý: Trong trường hợp có những biến động làm cho thu nhập của gia đình giảm xuống (như có thành viên bị mất việc, hoạt động kinh doanh thua lỗ,...) cần điều chỉnh ngay kế hoạch chi tiêu sao cho tiết kiệm, phù hợp với mức thu nhập mới,...	2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ THU, CHI TRONG GIA ĐÌNH Bước 1. Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình: Bước 2. Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình: Bước 3. Thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu trong gia đình Bước 4. Thống nhất tỉ lệ phân chia các khoản chi thiết yếu, không thiết yếu và tiết kiệm trong gia đình Bước 5. Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch
--	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1: Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm dưới đây? Vì sao?

a. Quản lý thu, chi là việc quản lý các nguồn thu nhập và các khoản chi tiêu của tất cả các thành viên trong gia đình.

b. Mục đích của quản lý thu, chi trong gia đình là duy trì những thói quen chi tiêu tích cực và hạn chế những thói quen chi tiêu không tích cực.

c. Chỉ khi nào được chi tiêu theo sở thích, thỏa mãn mọi nhu cầu của các thành viên trong gia đình thì mới đạt được mục tiêu tự do tài chính.

d. Muốn nâng cao chất lượng cuộc sống thì mỗi gia đình đều phải có kỹ năng quản lý thu, chi.

a) Mục tiêu. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng quan điểm trong bài tập 1, bày tỏ điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

c) Sản phẩm.

a. Quan điểm này không đúng, vì không phải thành viên nào trong gia đình cũng đi làm, có thu nhập và tham gia vào các hoạt động tạo nên các nguồn thu nhập và chi tiêu trong gia đình được. Ví dụ: trẻ em, người cao tuổi,...

b. Quan điểm này đúng, vì nếu không quản lý thu, chi trong gia đình thì khó có thể duy trì những thói quen chi tiêu tích cực và hạn chế những thói quen chi tiêu không tích cực.

c. Quan điểm này không đúng, vì nếu chi tiêu theo sở thích, thỏa mãn mọi nhu cầu của các thành viên trong gia đình sẽ dẫn đến hậu quả các khoản thu nhập không thể đủ để bù đắp cho chi tiêu dẫn đến thâm hụt ngân sách gia đình, nợ nần,...

d. Quan điểm này đúng, vì quản lý thu, chi trong gia đình hợp lý sẽ kiểm soát được các nguồn thu trong gia đình; Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình; Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình; Giúp cân bằng tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng quan điểm trong bài tập 1, bày tỏ điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2: Em hãy cho biết việc làm của nhân vật trong các trường hợp dưới đây có ý nghĩa thế nào trong quản lý thu, chi gia đình:

a. Chị D luôn ghi chép tất cả các khoản chi và lập bảng theo dõi chi tiêu hằng tháng của gia đình để có sự điều chỉnh vào tháng sau nếu cần thiết.

b. Mặc dù thu nhập gia đình còn thấp nhưng vợ chồng chị B thống nhất duy trì tiết kiệm 20% thu nhập mỗi tháng để bảo đảm quy tắc thu, chi 50/30/20.

c. Hằng tháng, vợ chồng chị Q thường xác định hạn mức mua sắm của hai vợ chồng để không ảnh hưởng đến khoản tiết kiệm chung của gia đình.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc quản lý thu, chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu việc làm của từng nhân vật trong bài tập 2, nhận xét và giải thích về hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

c) Sản phẩm.

a. Đây là một thói quen tốt để thực hiện kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình.

b. Đây là một việc làm đúng, vì ngay cả khi thu nhập còn thấp gia đình vẫn có ý thức tiết kiệm một khoản nhỏ để dự phòng thông qua việc kiên trì bảo đảm nguyên tắc 50/30/20.

c. Đây là một việc làm tốt, một thói quen tốt để chi tiêu hiệu quả, thực hành tiết kiệm để thực hiện được các mục tiêu tài chính của gia đình.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu việc làm của từng nhân vật trong bài tập 2, nhận xét và giải thích về hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Câu 3: Em hãy liệt kê những thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình và kết quả của những thói quen đó.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý chi tiêu trong gia đình.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS liệt kê và chuẩn bị thuyết trình về những thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình và kết quả của những thói quen đó.

Lưu ý: GV có thể giao cho HS làm bài tập này ở nhà với thời gian cụ thể.

- HS làm việc và chuẩn bị bài thuyết trình.
- GV mời HS báo cáo kết quả làm việc.
- GV nhận xét và kết luận một số ý chính cho từng vấn đề.

c) Sản phẩm.

Một số thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình:

- Chi tiêu có kế hoạch.
- Bàn bạc, thống nhất giữa các thành viên gia đình trong chi tiêu.
- Chi tiêu tiết kiệm,...

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS liệt kê và chuẩn bị thuyết trình về những thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình và kết quả của những thói quen đó.

Lưu ý: GV có thể giao cho HS làm bài tập này ở nhà với thời gian cụ thể.

- HS làm việc và chuẩn bị bài thuyết trình.
- GV mời HS báo cáo kết quả làm việc.
- GV nhận xét và kết luận một số ý chính cho từng vấn đề.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

Câu 4: Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Đầu năm, vợ chồng anh A thống nhất đặt mục tiêu mỗi tháng sẽ dành 60% thu nhập cho các chi tiêu thiết yếu, tiết kiệm 20% thu nhập gia đình để có đủ tiền mua xe máy nhưng hai tháng nay, anh A bị mất việc, thu nhập gia đình bị giảm sút, kinh tế gia đình eo hẹp mà vợ anh vẫn quyết tâm thực hiện mục tiêu tiết kiệm đã đặt ra bằng cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình.

Em hãy chỉ ra những biểu hiện quản lý thu, chi gia đình hợp lý, không hợp lý trong trường hợp trên. Em hãy đưa ra lời khuyên cho gia đình để quản lý thu, chi gia đình hiệu quả hơn.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc quản lý thu chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong bài tập 4 và trả lời câu hỏi: *Em hãy chỉ ra những biểu hiện quản lý thu, chi gia đình hợp lý, không hợp lý trong trường hợp trên. Em hãy đưa ra lời khuyên cho gia đình để quản lý thu, chi gia đình hiệu quả hơn.*

c) Sản phẩm.

Việc đầu năm vợ chồng anh A thống nhất đặt mục tiêu mỗi tháng sẽ dành 60% thu nhập cho các chi tiêu thiết yếu, tiết kiệm 20% thu nhập gia đình để có đủ tiền mua xe máy là hợp lý. Vì trong quản lý thu, chi trong gia đình chỉ khi nào có sự bàn bạc,

thống nhất và kiên trì thực hiện mới có thể đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.

Khi anh A bị mất việc, thu nhập gia đình bị giảm sút, kinh tế gia đình eo hẹp nhưng vợ anh vẫn quyết tâm thực hiện mục tiêu tiết kiệm đã đặt ra bằng cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình là không hợp lý. Vì, cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

Lời khuyên: Vợ chồng anh A nên thống nhất với nhau điều chỉnh quy tắc thu, chi bảo đảm các khoản chi thiết yếu và cắt giảm các khoản chi không thiết yếu để thực hiện các mục tiêu tài chính trong gia đình.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong bài tập 4 và trả lời câu hỏi: *Em hãy chỉ ra những biểu hiện quản lý thu, chi gia đình hợp lý, không hợp lý trong trường hợp trên. Em hãy đưa ra lời khuyên cho gia đình để quản lý thu, chi gia đình hiệu quả hơn.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy liệt kê những mục tiêu tài chính và kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó trong gia đình em.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy liệt kê những mục tiêu tài chính và kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó trong gia đình em.

- Tích hợp phòng chống tham nhũng

+ Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình. Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính.

+ Cách thức thực hiện: Giáo viên cho học sinh Nhật ký tài chính cá nhân: HS ghi chép 3 ngày chi tiêu, phân tích, và rút ra bài học về kỷ luật tài chính từ đó rút ra được bài học cho bản thân về các nội dung như: Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh chân chính)

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy liệt kê những mục tiêu tài chính và kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó trong gia đình em.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình.

Câu 2: Em hãy viết bài luận ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định “Quản lý thu, chi trong gia đình trở thành cầu nối giúp các thành viên trong gia đình hiểu nhau và sống hạnh phúc hơn”.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy viết bài luận ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định “Quản lý thu, chi trong gia đình trở thành cầu nối giúp các thành viên trong gia đình hiểu nhau và sống hạnh phúc hơn”.

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy viết bài luận ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định “Quản lý thu, chi trong gia đình trở thành cầu nối giúp các thành viên trong gia đình hiểu nhau và sống hạnh phúc hơn”.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình.

Ngày soạn: 15/11/2025

Tiết: 35

ÔN TẬP CUỐI KỲ 1

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Kiến thức

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,
- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó
- *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

- Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.
- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

I. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy
- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm
- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong học kỳ 1

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 7

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học
- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư để củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 7

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau
- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

ÔN TẬP KTPL 12(2025-2026)-THAM KHẢO

Câu 1. Ở Việt Nam, hệ thống an sinh xã hội có bao nhiêu chính sách cơ bản?

- A. Ba chính sách. **B. Bốn chính sách.**
C. Năm chính sách. D. Sáu chính sách.

Câu 2. Trong các chính sách dưới đây, chính sách nào thuộc chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay?

A. Chương trình 30a và chương trình 135.

B. Nghị định số 43-NĐ-CP về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng.

C. Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

D. Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Câu 3. Hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu như các chính sách về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,... thuộc chính sách nào của hệ thống an sinh xã hội?

A. Chính sách bảo hiểm.

B. Chính sách trợ giúp xã hội.

C. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

D. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

Câu 4. Từ năm 2012 - 2019, Chính phủ đã hỗ trợ hơn 343 nghìn tấn gạo (cứu đói giáp hạt và nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm) cho khoảng 18,4 triệu nhân khẩu thiếu lương thực; hỗ trợ hơn 3.700 tỷ đồng để các địa phương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Theo em, việc hỗ trợ trên của Chính phủ thuộc chính sách nào của hệ thống an sinh xã hội?

A. Chính sách bảo hiểm.

B. Chính sách trợ giúp xã hội.

C. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

D. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

Câu 5. Năm 2019, Quỹ BHYT đã chi trả cho 186 triệu lượt người khám bệnh, chữa bệnh bằng BHYT. Nhiều trường hợp được Quỹ BHYT chi trả chi phí khám, chữa bệnh trong năm lên đến hàng tỷ đồng. Cả nước hiện có trên 3,1 triệu người hưởng chế độ hưu trí và trợ cấp BHXH hằng tháng. Quỹ BHXH chi trả các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mỗi năm cho từ 6- 10 triệu lượt người. Theo em, việc chi trả khám bệnh, chữa bệnh và chế độ ốm đau, thai sản,... ở thông tin trên thuộc chính sách nào trong hệ thống an sinh xã hội?

A. Chính sách bảo hiểm.

B. Chính sách trợ giúp xã hội.

C. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

D. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

Câu 6. Phát triển nào sau đây là **sa** về vai trò của an sinh xã hội?

A. Hỗ trợ người dân chủ động phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro trong cuộc sống.

B. Nâng cao hiệu quả quản lý xã hội của Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định xã hội.

C. Gia tăng bất bình đẳng và công bằng xã hội.

D. Thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững và tiến bộ.

Câu11. Kế hoạch kinh doanh xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược, công việc dự định thực hiện và cách đạt được

- A. trách nhiệm xã hội.
- B. mục tiêu kinh doanh.**
- C. trách nhiệm kinh tế.
- D. mục tiêu xã hội.

Câu12. Nội dung nào sau đây được thể hiện trong kế hoạch kinh doanh?

- A. Phiếu kiểm định chất lượng sản phẩm.
- B. Thông số kĩ thuật của sản phẩm.
- C. Công thức tạo ra sản phẩm.
- D. Chiến lược kinh doanh.**

Câu 13. Hành vi nào sau đây **vi phạm** trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Đảm bảo chất lượng sản phẩm cho người tiêu dùng.
- B. Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo.
- C. Tuân thủ quy định pháp luật về thuế, môi trường.
- D. Miệt thị, xúc phạm, thiếu tôn trọng người lao động.**

Câu 14. Đối với doanh nghiệp, việc thực hiện trách nhiệm xã hội sẽ góp phần

- A. thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.
- B. nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu.**
- C. bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.
- D. hỗ trợ giải quyết khó khăn của cộng đồng.

Câu 15. Hệ thống các chính sách do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện giải quyết các vấn đề xã hội nhằm nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập góp phần cải

thiện chất lượng cuộc sống, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Trợ giúp xã hội.

B. Chính sách xã hội.

C. An sinh xã hội.

D. Bảo hiểm xã hội.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây là vai trò của an sinh xã hội đối với đối tượng hưởng chính sách?

A. Trợ giúp xã hội nhằm tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn cho người yếu thế, dễ bị tổn thương.

B. Góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống người dân.

C. Đóng góp vào ổn định chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý xã hội.

D. Phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam.

Câu 17. Khái niệm nào được đề cập đến trong đoạn thông tin sau?

Thông tin. Bản mô tả những nội dung cơ bản về định hướng, mục tiêu, nguồn lực, tài chính, kế hoạch bán hàng,... nhằm giúp chủ thể kinh doanh xác định được các nhiệm vụ để thực hiện mục tiêu đề ra.

A. Quản trị kinh doanh.

B. Dự án kinh doanh.

C. Kế hoạch kinh doanh.

D. Kế hoạch tài chính.

Câu 18. Việc lập kế hoạch kinh doanh **không** nhằm mục đích nào sau đây?

A. Xác định mục tiêu, chiến lược của thị trường.

B. Xây dựng phương án đối phó với rủi ro, thách thức mà doanh nghiệp có thể gặp phải.

C. Nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra định hướng trong tương lai.

D. Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp.

Câu 19. Để đảm bảo tính khả thi của cửa ý tưởng kinh doanh và có cơ sở xác định chiếm lược kinh doanh, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để kinh doanh thành công cần

A. hướng tới hành động rõ ràng, cụ thể.

B. phân tích đầy đủ các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.

C. có biện pháp, cách thức để đạt hiệu quả tối ưu.

D. tham gia thị trường kinh doanh.

Câu 20. Trong kế hoạch kinh doanh, việc làm nào có thể gây thiệt hại cho doanh nghiệp?

A. Phân tích nhu cầu và thị trường.

B. Xác định mục tiêu kinh doanh cụ thể.

C. Đặt ra kế hoạch tiếp thị và quảng cáo.

D. Bỏ qua đánh giá rủi ro và cơ hội.

Câu 21. Trách nhiệm pháp lí của doanh nghiệp được thể hiện thông qua hành vi nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật về thuế và môi trường.

B. Không tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm.

C. Sử dụng máy móc, thiết bị, nguyên liệu hết hạn sử dụng.

D. Xả thải chưa qua xử lí ra môi trường.

Câu 22. Doanh nghiệp tham gia các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí, xây dựng nhà tình nghĩa... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Đạo đức.

C. Pháp lý.

D. Kinh tế.

Câu 23: Kế hoạch kinh doanh **không** bao gồm nội dung nào sau đây?

A. Định hướng, ý tưởng kinh doanh.

B. Các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh.

C. Nâng cao năng lực cạnh tranh với các chủ thể kinh tế khác.

D. Kế hoạch hoạt động; rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lí.

Câu 24: Đối với một doanh nghiệp bước khởi đầu trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh là

A. xác định mục tiêu và chiến lược kinh doanh.

B. xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh.

C. xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh.

D. phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.

Câu 25: Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, việc nào sau đây là quan trọng để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch?

A. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, rủi ro.

B. Chuẩn bị một kế hoạch marketing chi tiết.

C. Xác định mục tiêu và chiến lược kinh doanh phù hợp.

D. Quyết định mức giá bán sản phẩm, dịch vụ.

26 Việc lập kế hoạch kinh doanh **không** nhằm mục đích nào sau đây?

A. Xác định mục tiêu, chiến lược của thị trường.

B. Xây dựng phương án đối phó với rủi ro, thách thức mà doanh nghiệp có thể gặp phải.

C. Nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra định hướng trong tương lai.

D. Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp.

Câu 27: Để đảm bảo tính khả thi của ý tưởng kinh doanh và có cơ sở xác định chiến lược kinh doanh, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để kinh doanh thành công cần

A. hướng tới hành động rõ ràng, cụ thể.

B. phân tích đầy đủ các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.

C. có biện pháp, cách thức để đạt hiệu quả tối ưu.

D. tham gia thị trường kinh doanh.

Câu 28: Trong kế hoạch kinh doanh, việc làm nào có thể gây thiệt hại cho doanh nghiệp?

A. Phân tích nhu cầu và thị trường. B. Xác định mục tiêu kinh doanh cụ thể.

C. Đặt ra kế hoạch tiếp thị và quảng cáo. **D. Bỏ qua đánh giá rủi ro và cơ hội.**

Câu 29: Trong việc lập kế hoạch kinh doanh, việc nào sau đây có thể giúp doanh nghiệp đối phó tốt hơn với rủi ro và khó khăn?

- A. Phát triển các chiến lược tiếp thị sáng tạo. **B. Đánh giá và biện pháp xử lý rủi ro.**
C. Tăng cường quảng cáo trên mạng xã hội. D. Mở rộng quy mô hoạt động ngay từ đầu.

Câu 30: Trong việc khởi đầu và quản lý một doanh nghiệp, điều gì được coi là cần thiết nhất?

- A. Phương hướng kinh doanh.
B. Sự kiên nhẫn và kiên trì của chủ doanh nghiệp.
C. Mạng lưới quan hệ mở rộng.
D. Lập kế hoạch kinh doanh chi tiết và cụ thể.

Câu 31. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với

- A. cá nhân. B. gia đình.
C. xã hội. D. địa phương.

Câu 32. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những

- A. biện pháp và phương hướng cụ thể. **B. chính sách và việc làm cụ thể.**
C. giải pháp và hành động cụ thể. D. chủ trương và quyết sách cụ thể.

Câu 33. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể mang tính

- A. thời vụ. B. tạm thời.
C. tiêu cực. **D. tích cực.**

Câu 34. Tạo việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Nhân văn. B. Pháp lý.

C. Đạo đức.

D. Kinh tế.

Câu 35. Tuân thủ các quy định về thuế, bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Pháp lý.

C. Đạo đức.

D. Kinh tế.

Câu 36. Tuân thủ các quy định về kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Đạo đức.

C. Pháp lý.

D. Kinh tế.

Câu 37. Tuân thủ các quy định về quan hệ cạnh tranh lành mạnh, quan hệ lao động công bằng, bình đẳng... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Đạo đức.

C. Kinh tế.

D. Pháp lý.

Câu 38. Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có lợi nhuận, tạo ra việc làm có mức lương tương xứng... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Đạo đức.

C. Pháp lý.

D. Kinh tế.

Câu 39. Doanh nghiệp tham gia các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí, xây dựng nhà tình nghĩa... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Đạo đức.

C. Pháp lý.

D. Kinh tế.

Câu 40. Doanh nghiệp đóng góp quỹ an sinh xã hội, quĩxóa đói giảm nghèo... thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Đạo đức.

B. Nhân văn.

C. Pháp lý.

D. Kinh tế.

Phần 2: ĐÚNG/SAI

Câu 1. Đọc thông tin sau:

Doanh nghiệp X kinh doanh trong ngành hàng xuất khẩu thủy hải sản. Doanh nghiệp quan tâm tạo việc làm thường xuyên cho người lao động với mức lương thưởng xứng đáng và xây dựng một môi trường lao động an toàn, thông thoáng, bảo đảm sức khỏe. Vì vậy, năng suất lao động trong doanh nghiệp khá cao; sản phẩm bảo đảm chất lượng theo cam kết, khách hàng rất tinh tường. Hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận ngày một tăng; qua đó việc đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng đầy đủ và đúng hạn.

a. Doanh nghiệp X tạo việc làm thường xuyên cho người lao động với mức lương, thưởng xứng đáng là thực hiện trách nhiệm kinh tế.

b. Trong hoạt động kinh doanh, Doanh nghiệp X xây dựng một môi trường lao động an toàn, thông thoáng, bảo đảm sức khỏe là thực hiện trách nhiệm nhân văn/từ thiện, tình nguyện.

c. Doanh nghiệp X còn đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng đầy đủ và đúng hạn là thực hiện trách nhiệm pháp lý.

d. Doanh nghiệp X đưa ra các sản phẩm bảo đảm chất lượng theo cam kết, khách hàng rất tinh tường là thực hiện trách nhiệm kinh tế.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Trong những năm qua, với mục tiêu tạo điều kiện phát triển về số lượng, nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm thông qua nhiều các Nghị định Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, có Quyết định số 2123/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2010-2015; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ, về chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ em, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người (dưới 10.000 người). Thực hiện các chính sách trên, cơ sở vật chất trường, lớp tại các thôn, bản có học sinh dân tộc thiểu số rất ít người đã được đầu tư, xây dựng; chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục ở các cơ sở giáo dục có học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được nâng lên.

a. Các chính sách dành cho các dân tộc thiểu số rất ít người trên là chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản của hệ thống an sinh xã hội.

b. Các chính sách dành cho các dân tộc thiểu số rất ít người trên là chính sách trợ giúp xã hội.

c. Chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản đối với trẻ em, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người chủ yếu là hỗ trợ tiền học tập cho tất cả các đối tượng này.

d. Việc hỗ trợ trong vấn đề giáo dục cho người dân tộc thiểu số rất ít người nhằm giúp người dân tộc thiểu số rất ít người tiếp cận được các dịch vụ xã hội về giáo dục.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác, có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người có chỗ ở. Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

a. Thông tin trên thể hiện chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm cho công dân Việt Nam thực hiện “quyền được bảo đảm an sinh xã hội” được xác định trước hết là Nhà nước Việt Nam.

b. Thông tin trên cho thấy, chủ thể có “quyền được bảo đảm an sinh xã hội” phải là công dân Việt Nam.

c. Chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác là chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

d. Chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Trong thị trường hiện nay, sự phát triển của công nghệ đã mở ra nhiều cơ hội mới cho doanh nghiệp. Anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh trên cơ sở tạo ra một nền tảng trực tuyến kết nối các nhà sản xuất địa phương với người tiêu dùng. Bằng cách này, anh T đã có nguồn khách hàng lớn là người tiêu dùng trong và ngoài nước

họ có thể mua các sản phẩm chất lượng tốt. Đồng thời, doanh nghiệp có thể hỗ trợ các nhà sản xuất nhỏ và phát triển nền kinh tế địa phương. Hoạt động kinh doanh của anh T đã góp phần giải quyết được công ăn việc làm cho nhiều lao động ở địa phương, phát triển kinh tế cho bà con nơi anh sinh sống.

a. Anh T đã tận dụng các nền tảng trực tuyến như mạng xã hội, quảng cáo trực tuyến và email marketing để tăng tầm nhìn và tương tác với khách hàng tiềm năng

b. Vì đã có lượng khách hàng ổn định nên không cần nghiên cứu thị trường cũng như đánh giá các cơ hội và rủi ro

c. Chiến lược kinh doanh của anh T là một chuỗi các biện pháp, cách thức để đạt được hiệu quả tối ưu

d. Anh T nắm bắt xu hướng mới và đáp ứng được nhu cầu của thị trường bằng cách cung cấp sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến và độc đáo

Câu 5. Đọc thông tin sau:

Nhà máy X chuyên sản xuất vật liệu xây dựng. Khu vực sản xuất của công ty có rất nhiều bụi từ cát xây dựng và khói thải từ những thiết bị cũ; nước thải khi thi công và vệ sinh máy móc cũng được xả thẳng ra môi trường. Một số công nhân ở đây không được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động.

a. Việc xả nước thải ra môi trường của nhà máy X là hành vi vi phạm trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh của doanh nghiệp.

b. Nhà máy X đã không vi phạm quy định pháp luật khi tiến hành sản xuất vật liệu xây dựng đã được cấp giấy phép hoạt động.

c. Trong quá trình sản xuất, nhà máy đã sử dụng các thiết bị máy móc cũ để giảm chi phí đầu tư thể hiện doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh.

d. Công nhân tham gia lao động khi chưa được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động là vi phạm trách nhiệm kinh tế trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Câu 6: Đọc đoạn thông tin sau:

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết

tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác, có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người có chỗ ở. Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

a, Thông tin trên thể hiện chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm cho công dân Việt Nam thực hiện “quyền được bảo đảm an sinh xã hội” được xác định trước hết là Nhà nước Việt Nam.

b, Thông tin trên cho thấy, chủ thể có “quyền được bảo đảm an sinh xã hội” phải là công dân Việt Nam.

c, Chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác là chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

d, Chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 7: Đọc đoạn thông tin sau:

Anh A đã đạt thành công trong lĩnh vực phân phối sản phẩm, thực phẩm sạch trên thị trường. Với tâm huyết và kiên nhẫn, anh A đã xây dựng một thương hiệu không chỉ là sự lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm sạch mà còn là biểu tượng của sự đổi mới và chất lượng. Để đạt được sự thành công này anh A có sự phân tích kỹ lưỡng các điều kiện: sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ kinh doanh, thị trường... xác định các cơ hội, rủi ro có thể gặp phải và có biện pháp xử lí. Đồng thời anh xây dựng kế hoạch bán hàng, tiếp thị, quảng cáo để quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng. Sự cam kết của anh đối với việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và an toàn đã thu hút được người tiêu dùng với quan tâm đến việc ăn uống lành mạnh và thực phẩm sạch, đồng thời cũng làm nổi bật tầm nhìn chiến lược của anh A trong việc phát triển thị trường. Với sự sáng tạo và quản lý hiệu quả, thành công của anh A đã minh chứng cho sự đổi mới và sức mạnh của doanh nghiệp trong thế kỷ 21.

a) Doanh nghiệp của anh A đã phân tích các điều kiện để thực hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả

b) Doanh nghiệp không cần phải tập trung vào việc phát triển mạng lưới phân phối, bởi vì sản phẩm của họ đã được chấp nhận rộng rãi trên thị trường

c) Doanh nghiệp đã thiết lập một kế hoạch marketing chi tiết và hiệu quả để tiếp cận khách hàng

d) Doanh nghiệp không cần phải theo dõi và đánh giá kết quả của các chiến lược kinh doanh, vì đã đạt được thành công

Câu 8. Đọc thông tin sau:

Công ty Y hoạt động trong lĩnh vực truyền thông. Trong nhiều năm qua, công ty thường xuyên thực hiện hoạt động quyên góp từ thiện giúp đỡ nhân dân các vùng gặp khó khăn, hoạn nạn. Công ty còn xây dựng nhà tình nghĩa cho những gia đình có công với đất nước, tặng sách giáo khoa cho hàng chục thư viện ở các trường phổ thông. Bên cạnh đó, còn thực hiện các chế độ bảo đảm quyền lợi người lao động, tạo mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ, công nhân viên và công ty.

a. Công ty Y thường xuyên thực hiện hoạt động quyên góp từ thiện giúp đỡ nhân dân các vùng gặp khó khăn hoạn nạn là thực hiện trách nhiệm đạo đức.

b. Công ty Y đã tặng sách giáo khoa cho hàng chục thư viện ở các trường phổ thông là thực hiện trách nhiệm nhân văn.

c. Công ty Y bảo đảm quyền lợi người lao động, tạo mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ, công nhân viên và công ty là thực hiện trách nhiệm nhân văn.

d. Công ty Y xây nhà tình xây dựng nhà tình nghĩa cho những gia đình có công với đất nước là thực hiện trách nhiệm pháp lý.

Câu 9: Đọc đoạn thông tin sau:

Trong thị trường hiện nay, sự phát triển của công nghệ đã mở ra nhiều cơ hội mới cho doanh nghiệp. Anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh trên cơ sở tạo ra một nền tảng trực tuyến kết nối các nhà sản xuất địa phương với người tiêu dùng. Bằng cách này, anh T đã có nguồn khách hàng lớn là người tiêu dùng trong và ngoài nước họ có thể mua các sản phẩm chất lượng tốt. Đồng thời, doanh nghiệp có thể hỗ trợ các nhà sản xuất nhỏ và phát triển nền kinh tế địa phương. Hoạt động kinh doanh của anh T đã góp phần giải quyết được công ăn việc làm cho nhiều lao động ở địa phương, phát triển kinh tế cho bà con nơi anh sinh sống.

a) Anh T đã tận dụng các nền tảng trực tuyến như mạng xã hội, quảng cáo trực tuyến và email marketing để tăng tầm nhìn và tương tác với khách hàng tiềm năng

b) Vì đã có lượng khách hàng ổn định nên không cần nghiên cứu thị trường cũng như đánh giá các cơ hội và rủi ro

c) Chiến lược kinh doanh của anh T là một chuỗi các biện pháp, cách thức để đạt được hiệu quả tối ưu

d) Anh T nắm bắt xu hướng mới và đáp ứng được nhu cầu của thị trường bằng cách cung cấp sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến và độc đáo

Câu 10: Đọc đoạn thông tin sau:

Với ý tưởng kinh doanh khai thác đất nông nghiệp ở nông thôn tạo ra một trang trại hữu cơ hiện đại và bền vững. Để thực hiện được ý tưởng kinh doanh đó anh K đã nghiên cứu và lựa chọn khu vực đất ở quê có điều kiện tự nhiên tốt, đất đai phù hợp và có nguồn nước dồi dào. Áp dụng các phương pháp canh tác hữu cơ hiện đại như sử dụng phân bón hữu cơ, có hệ thống tưới tiết kiệm nước. Từng bước anh K trồng trọt các loại rau, củ, quả và cây lúa mạch hữu cơ, đồng thời phát triển một số sản phẩm đặc biệt như hoa quả, mật ong, hay các loại thảo mộc. Anh tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm là các cửa hàng địa phương, nhà hàng, thị trường nông sản và các trung tâm mua sắm để phân phối sản phẩm. Tận dụng vẻ đẹp tự nhiên của nơi đây anh K đã xây dựng mô hình trải nghiệm du lịch nông nghiệp, bao gồm tham quan trang trại, tham gia hoạt động canh tác và thưởng thức sản phẩm tại chỗ. Việc xây dựng trang trại nông nghiệp hữu cơ của anh K không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần vào việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của cộng đồng nông thôn.

a) Thành công của anh K có được là do anh mở rộng quy mô hoạt động của trang trại ngay từ đầu

b) Để thực hiện ý tưởng kinh doanh khai thác đất nông nghiệp ở nông thôn K đã có kế hoạch thực hiện chiến lược kinh doanh phù hợp cũng như đánh giá các cơ hội và rủi ro trong ngành

c) Một trong những lý do thành công của anh K là anh chú trọng vào việc bảo vệ môi trường góp phần tạo nên sự phát triển bền vững

d) Trong quá trình kinh doanh anh K cần điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với sự thay đổi của thực tế

Phần III: Tự luận (Bài 4, 6) - Gọi ý

-Chính sách an sinh XH:....

-Trách nhiệm, hiểu biết..về chính sách an sinh XH ở địa phương

-Trách nhiệm của doanh nghiệp: Môi trường, nhân văn,...

-Trách nhiệm của bản thân...

-Thông qua hình ảnh về các chính sách trên...hiểu biết, chia sẻ...

.....**HẾT**.....

SỞ GD-ĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

TỔ: SỬ-ĐỊA-KTPL

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I-MÔN

GDKT&PL LỚP 12(2025-2026)

I. Xây dựng ma trận đề kiểm tra định kì

Khung ma trận đề kiểm tra định kì-cuối kì I- môn GDKT&PL (TNKQ nhiều lựa chọn; TNKQ đúng – sai; tự luận)

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng sai			Tự luận						
			Bi ết	Hi ể u	V D	Biết	Hi ể u	VD	Biết	Hi ể u	V D	Bi ết	Hi ể u	VD	
1	Chủ đề 3: Bảo hiểm xã hội và an sinh xã	Bài 4: An sinh xã hội	2	2		1b,c 2a,b	1a 2c	1d 2d		1	1/ 2	6	4TN 1 TL	2 TN 1 TL	

	hội														
2	Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	3	1		3a,c	3b	3d				5	2	1 TN	
3	Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	1		4a,c,	4b	4d		1	1/ 2	5	2 TN 1 TL	1T N 1 TL	
Tổng số câu			8	4		8	4	4	2			16	8 TN 2 TL	4 TN 2 TL	
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0						10
Tỉ lệ %			70						30			40	30	30	100

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

NĂM HỌC: 2025 – 2026

TT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Mức độ	Số câu			Đánh giá năng lực	
				TN nhiều lựa chọn	TN “Đúng – Sai”	Tự luận	Tên n ngl	Chỉ báo()

							ực	
1	Chủ đề 3: Bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội Bài 4: An sinh xã hội	- Biết được khái niệm, một số chính sách an sinh xã hội và vai trò của an sinh xã hội - Nhận biết được những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu	Biết	C2,4	1b,c 2a,b		NL 3	Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH
		- Hiểu được khái niệm, một số chính sách an sinh xã hội và vai trò của an sinh xã hội - Hiểu được những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu	Hiểu	C1,3	1a 2c		NL 1	Năng lực điều chỉnh hành vi

		- Vận dụng được giải quyết những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu Vận dụng vào thực tiễn cuộc sống về chính sách an sinh xã hội(TL) -Liên hệ một số chính sách an sinh xã hội ở địa phương và nêu trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương(TL)	Vận dụng		1d 2d	1(Dùn g cho 2 đề) 1	NL 3	Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH
2	Chủ đề 4:Lập kế hoạch kinh doanh Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	-Biết được kế hoạch kinh doanh, sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh, nêu được các bước lập kế hoạch kinh doanh	Biết	C6,7,8	3a,c		NL 1	Năng lực điều chỉnh hành vi

		- Nhận biết được những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu						
		-Hiểu được kế hoạch kinh doanh, sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh, các bước lập kế hoạch kinh doanh - Hiểu được những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu	Hiểu	C5	3b		NL 3	Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH
		- Vận dụng: Thông qua các tư liệu có thể vận dụng vào thực tiễn cuộc sống			3d			
3	Chủ đề 5: Trách nhiệm xã	-Biết được khái niệm, hình thức thực hiện,ý	Biết	C9, C10,12	4a,c,		NL 3	Năng lực tìm hiểu và

hội của doanh Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Nhận biết được những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu						tham gia hoạt động KT-XH
	-Hiểu được khái niệm, hình thức thực hiện,ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Hiểu được những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu	Hiểu	C11	4b		NL 1	Năng lực điều chỉnh hành vi
	- Vận dụng được giải quyết những vấn đề trong thực tiễn thông qua tư liệu	Vận dụng		4d		NL 1	Năng lực điều chỉnh hành vi

		- Vận dụng vào thực tiễn cuộc sống về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Vận dụng trong việc liên hệ về các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và liên hệ bản thân(TL)				1		
Tổng số câu				12	16	2		
Tổng số điểm				3.0	4.0	3.0		
Tỉ lệ				30%	40%	30%		

Ghichú:

I – Năng lực điều chỉnh hành vi

II – Năng lực phát triển bản thân

III – Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH

Tiết 36

KIỂM TRA CUỐI KÌ I